

HÌNH TRỤ HỐ KHOAN

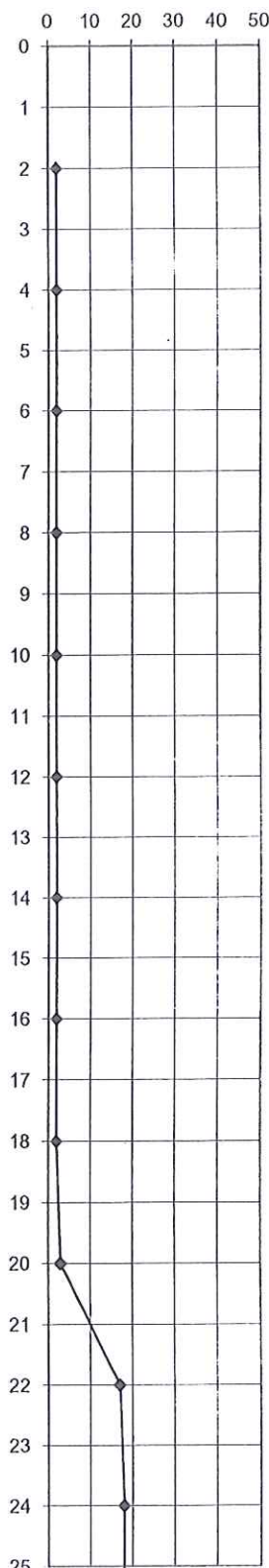
HÌNH TRỤ HỐ KHOAN

Tờ 1

DỰ ÁN: Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung Ương Cần Thơ
 ĐỊA ĐIỂM: Khu đô thị An Bình - Mỹ Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
 CƠ QUAN KS: Công ty Cổ phần SCT - Hà Nội
 NGƯỜI LẬP: Lê Văn Cường

KÍ HIỆU HỐ KHOAN: LK1
 Cao độ miệng hố: 1.44
 Chiều sâu mực nước ngầm (m): 1.60
 Chiều sâu (m): 63.0

Tỷ lệ - E	Số hiệu lớp	Cao độ đáy lớp (m)	Chiều sâu đáy lớp (m)	Bề dày lớp (m)	KÝ HIỆU ĐỊA TẦNG	MÔ TẢ ĐỊA TẦNG	Chiều sâu mẫu thí nghiệm và SPT	Ký hiệu mẫu	THÍ NGHIỆM SPT				
									N1	N2	N3	N/30	
1.0	1	0.74	0.7	0.7		Đất lấp: Đất thổ nhưỡng lẫn tạp chất	1.80-2.00	U					
2.0							2.00-2.45	SPT	1	1	1	2	
3.0							3.40-4.00	UU					
4.0							4.00-4.45	SPT	1	1	1	2	
5.0							5.80-6.00	U					
6.0							6.00-6.45	SPT	1	1	1	2	
7.0							7.80-8.00	U					
8.0							8.00-8.45	SPT	1	1	1	2	
9.0							9.60-10.20	UU					
10.0							10.00-10.45	SPT	1	1	1	2	
11.0	2			20.3		Đất sét - sét pha, màu xám xanh, trạng thái dẻo chảy.	11.80-12.00	U					
12.0							12.00-12.45	SPT	1	1	1	2	
13.0							13.80-14.00	U					
14.0							14.00-14.45	SPT	1	1	1	2	
15.0							15.80-16.00	U					
16.0							16.00-16.45	SPT	1	1	1	2	
17.0							17.80-18.00	U					
18.0							18.00-18.45	SPT	1	1	1	2	
19.0							19.80-20.00	U					
20.0							20.00-20.45	SPT	1	1	2	3	
21.0		-19.56	21.0				21.80-22.00	U					
22.0							22.00-22.45	SPT	3	7	10	17	
23.0	3			8.8		Đất sét pha màu xám xanh, nâu vàng, trạng thái nửa cứng.	23.80-24.00	U					
24.0							24.00-24.45	SPT	4	7	11	18	
25.0													



GHI -28.4

U: Mẫu nguyên dạng
 SPT: Xuyên tiêu chuẩn.



D: Mẫu không nguyên dạng
 UU: Mẫu ba trục UU

HÌNH TRỤ HỒ KHOAN

Tờ 2

DỰ ÁN: Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung Ương Cần Thơ
 ĐỊA ĐIỂM: Khu đô thị An Bình - Mỹ Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
 CƠ QUAN KS: Công ty Cổ phần SCT - Hà Nội
 NGƯỜI LẬP: *Lê Văn Cương*

Kí hiệu hố khoan:	LK1
Cao độ miệng hố:	1.44
Chiều sâu mực nước ngầm (m):	1.60
Chiều sâu (m):	63.0

Tỷ lệ - m	Số hiệu lớp	Cao độ đáy lớp (m)	Chiều sâu đáy lớp (m)	Bề dày lớp (m)	KÝ HIỆU ĐỊA TẦNG	MÔ TẢ ĐỊA TẦNG	Chiều sâu mẫu thí nghiệm và SPT	Ký hiệu mẫu	THÍ NGHIỆM SPT				<div><div></div><div>020406080100</div></div>
									N1	N2	N3	N/30	
26.0	3			8.8		Đất sét pha màu xám xanh, nâu vàng, trạng thái nửa cứng.	25.80-26.00	U					25
26.00-26.45							SPT	4	7	11	18	26	
27.0							27.80-28.00	U					27
28.00-28.45													
29.0		-28.36	29.8				29.80-30.00	U					29
30.0	4			24.7		Đất sét pha màu xám nâu, xám xanh, xám vàng, trạng thái dẻo cứng đôi chỗ dẻo mềm.	30.00-30.45	SPT	3	4	6	10	30
31.0							31.80-32.00	U					31
32.0							32.00-32.45	SPT	3	4	5	9	32
33.0							33.80-34.00	U					33
34.0							34.00-34.45	SPT	3	4	5	9	34
35.0							35.80-36.00	U					35
36.0							36.00-36.45	SPT	3	5	6	11	36
37.0							37.80-38.00	U					37
38.0							38.00-38.45	SPT	3	4	6	10	38
39.0							39.80-40.00	U					39
40.0							40.00-40.45	SPT	3	5	6	11	40
41.0							41.80-42.00	U					41
42.0							42.00-42.45	SPT	4	5	7	12	42
43.0							43.80-44.00	U					43
44.0							44.00-44.45	SPT	4	6	8	14	44
45.0							45.80-46.00	U					45
46.0	46.00-46.45	SPT	4	5	7	12	46						
47.0	47.80-48.00	U					47						
48.0	48.00-48.45	SPT	4	4	6	10	48						
49.0	49.80-50.00	U					49						
50.0	50.00-50.45	SPT	5	7	9	16	50						

GHI -53.1

U: Mẫu nguyên dạng
SPT: Xuyên tiêu chuẩn.

D: Mẫu không nguyên dạng
UU: Mẫu ba trục UU

HÌNH TRỤ HỒ KHOAN

Tờ 3

DỰ ÁN: Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung Ương Cần Thơ
 ĐỊA ĐIỂM: Khu đô thị An Bình - Mỹ Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
 CƠ QUAN KS: Công ty Cổ phần SCT - Hà Nội
 NGƯỜI LẬP: Lê Văn Cương

KÍ HIỆU HỒ KHOAN:	LK1
Cao độ miệng hố:	1.44
Chiều sâu mực nước ngầm (m):	1.60
Chiều sâu (m):	63.0

[illegible]

GHI CHÚ:

U: Mẫu nguyên dạng
SPT: Xuyên tiêu chuẩn.

D: Mẫu không nguyên dạng
UU: Mẫu ba trục UU

HÌNH TRỤ HỐ KHOAN

Tờ 1

DỰ ÁN: Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung Ương Cần Thơ
 ĐỊA ĐIỂM: Khu đô thị An Bình - Mỹ Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
 CƠ QUAN KS: Công ty Cổ phần SCT - Hà Nội
 NGƯỜI LẬP: Lê Văn Cương

KÍ HIỆU HỐ KHOAN: HK2
 Cao độ miệng hố: 1.39
 Chiều sâu mực nước ngầm (m): 1.7
 Chiều sâu (m): 63.0

Tỷ lệ - m	Số hiệu lớp	Cao độ đáy lớp (m)	Chiều sâu đáy lớp (m)	Bề dày lớp (m)	KÝ HIỆU ĐỊA TẦNG	MÔ TẢ ĐỊA TẦNG	Chiều sâu mẫu thí nghiệm và SPT	Ký hiệu mẫu	THÍ NGHIỆM SPT				
									N1	N2	N3	N/30	
1.0	1	0.79	0.6	0.6		Đất lấp: Đất thô nhưỡng lẫn tạp chất	1.40-2.00	UU					0
2.0							2.00-2.45	SPT	1	1	1	2	1
3.0							3.80-4.00	U					2
4.0							4.00-4.45	SPT	1	1	1	2	3
5.0							5.40-6.00	UU					4
6.0							6.00-6.45	SPT	1	1	1	2	5
7.0							7.80-8.00	U					6
8.0							8.00-8.45	SPT	1	1	1	2	7
9.0	2			17.6		Đất sét - sét pha, màu xám xanh, trạng thái dẻo chảy.	9.80-10.00	U					8
10.0							10.00-10.45	SPT	1	1	1	2	9
11.0							11.80-12.00	U					10
12.0							12.00-12.45	SPT	1	1	1	2	11
13.0							13.80-14.00	U					12
14.0							14.00-14.45	SPT	1	1	1	2	13
15.0							15.80-16.00	U					14
16.0							16.00-16.45	SPT	1	1	1	2	15
17.0							17.80-18.00	U					16
18.0		-16.81	18.2				18.00-18.45	SPT	3	4	5	9	17
19.0							19.80-20.00	U					18
20.0							20.00-20.45	SPT	4	6	8	14	19
21.0							21.80-22.00	U					20
22.0	3			9.3		Đất sét pha màu xám xanh, nâu vàng, trạng thái nửa cứng.	22.00-22.45	SPT	4	7	9	16	21
23.0							23.80-24.00	U					22
24.0							24.00-24.45	SPT	4	7	8	15	23
25.0													24

GHI -26.1

U: Mẫu nguyên dạng
 SPT: Xuyên tiêu chuẩn.

D: Mẫu không nguyên dạng
 UU: Mẫu ba trục UU

HÌNH TRỤ HỒ KHOAN

Tờ 2

DỰ ÁN: Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung Ương Cần Thơ
 ĐỊA ĐIỂM: Khu đô thị An Bình - Mỹ Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
 CƠ QUAN KS: Công ty Cổ phần SCT - Hà Nội
 NGƯỜI LẬP: Lê Văn Cương

KÍ HIỆU HỒ KHOAN: HK2
 Cao độ miệng hố: 1.39
 Chiều sâu mực nước ngầm (m): 1.7
 Chiều sâu (m): 63.0

E m	Số hiệu lớp	Cao độ đáy lớp (m)	Chiều sâu đáy lớp (m)	Bề dày lớp (m)	KÝ HIỆU ĐỊA TẦNG	MÔ TẢ ĐỊA TẦNG	Chiều sâu mẫu thí nghiệm và SPT	Ký hiệu mẫu	THÍ NGHIỆM SPT				
									N1	N2	N3	N/30	
26.0	3			9.3		Đất sét pha màu xám xanh, nâu vàng, trạng thái nửa cứng.	25.80-26.00	U					25
27.0							26.00-26.45	SPT	4	7	9	16	
28.0	4	-26.11	27.5	21.0		Đất sét pha màu xám nâu, xám xanh, xám vàng, trạng thái dẻo cứng đôi chỗ dẻo mềm.	27.80-28.00	U					26
29.0							28.00-28.45	SPT	3	4	4	8	27
30.0							29.80-30.00	U					28
31.0							30.00-30.45	SPT	3	4	5	9	29
32.0							31.80-32.00	U					30
33.0							32.00-32.45	SPT	2	3	4	7	31
34.0							33.80-34.00	U					32
35.0							34.00-34.45	SPT	2	3	5	8	33
36.0							35.80-36.00	U					34
37.0							36.00-36.45	SPT	3	4	5	9	35
38.0							37.80-38.00	U					36
39.0							38.00-38.45	SPT	3	4	5	9	37
40.0							39.80-40.00	U					38
41.0							40.00-40.45	SPT	3	4	6	10	39
42.0							41.80-42.00	U					40
43.0	5			3.0		Đất cát pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo.	42.00-42.45	SPT	3	4	6	10	41
44.0							43.80-44.00	U					42
45.0							44.00-44.45	SPT	3	4	5	9	43
46.0							45.80-46.00	U					44
47.0							46.00-46.45	SPT	3	4	5	9	45
48.0		-47.11	48.5				47.80-48.00	U					46
49.0							48.00-48.45	SPT	4	6	7	13	47
50.0							49.80-50.00	U					48
							50.00-50.45	SPT	5	5	8	13	49
													50

GHI -50.1

U: Mẫu nguyên dạng
 SPT: Xuyên tiêu chuẩn.

D: Mẫu không nguyên dạng
 UU: Mẫu ba trục UU

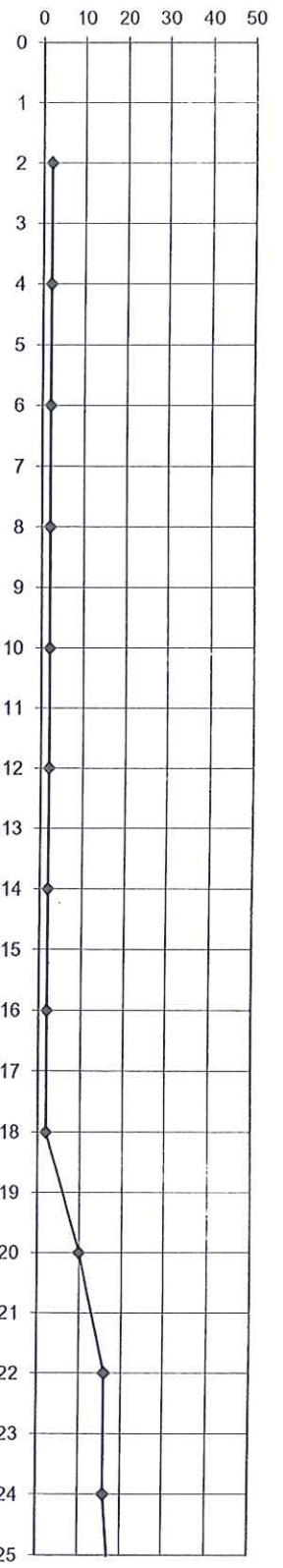
HÌNH TRỤ HỐ KHOAN

Tờ 1

DỰ ÁN: Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung Ương Cần Thơ
 ĐỊA ĐIỂM: Khu đô thị An Bình - Mỹ Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
 CƠ QUAN KS: Công ty Cổ phần SCT - Hà Nội
 NGƯỜI LẬP: Lê Văn Cương

KÍ HIỆU HỐ KHOAN: HK3
 Cao độ miệng hố: 1.75
 Chiều sâu mực nước ngầm (m): 1.90
 Chiều sâu (m): 63.0

E - m	Số hiệu lớp	Cao độ đáy lớp (m)	Chiều sâu đáy lớp (m)	Bề dày lớp (m)	KÝ HIỆU ĐỊA TẦNG	MÔ TẢ ĐỊA TẦNG	Chiều sâu mẫu thí nghiệm và SPT	Ký hiệu mẫu	THÍ NGHIỆM SPT				
									N1	N2	N3	N/30	
1.0	1	0.95	0.8	0.8		Đất lấp: Đất thổ nhưỡng lẫn tạp chất	1.80-2.00	U					
2.0							2.00-2.45	SPT	1	1	1	2	
3.0							3.40-4.00	UU					
4.0							4.00-4.45	SPT	1	1	1	2	
5.0							5.80-6.00	U					
6.0							6.00-6.45	SPT	1	1	1	2	
7.0							7.40-8.00	UU					
8.0							8.00-8.45	SPT	1	1	1	2	
9.0							9.80-10.00	U					
10.0	2			19.2		Đất sét - sét pha, màu xám xanh, trạng thái dẻo chảy.	10.00-10.45	SPT	1	1	1	2	
11.0							11.80-12.00	U					
12.0							12.00-12.45	SPT	1	1	1	2	
13.0							13.80-14.00	U					
14.0							14.00-14.45	SPT	1	1	1	2	
15.0							15.80-16.00	U					
16.0							16.00-16.45	SPT	1	1	1	2	
17.0							17.80-18.00	U					
18.0							18.00-18.45	SPT	1	1	1	2	
19.0							19.80-20.00	U					
20.0		-18.25	20.0				20.00-20.45	SPT	3	4	6	10	
21.0							21.80-22.00	U					
22.0							22.00-22.45	SPT	4	7	9	16	
23.0	3			10.5		Đất sét pha màu xám xanh, nâu vàng, trạng thái nửa cứng.	23.80-24.00	U					
24.0							24.00-24.45	SPT	5	7	9	16	
25.0													



GHI -28.8

U: Mẫu nguyên dạng
 SPT: Xuyên tiêu chuẩn.

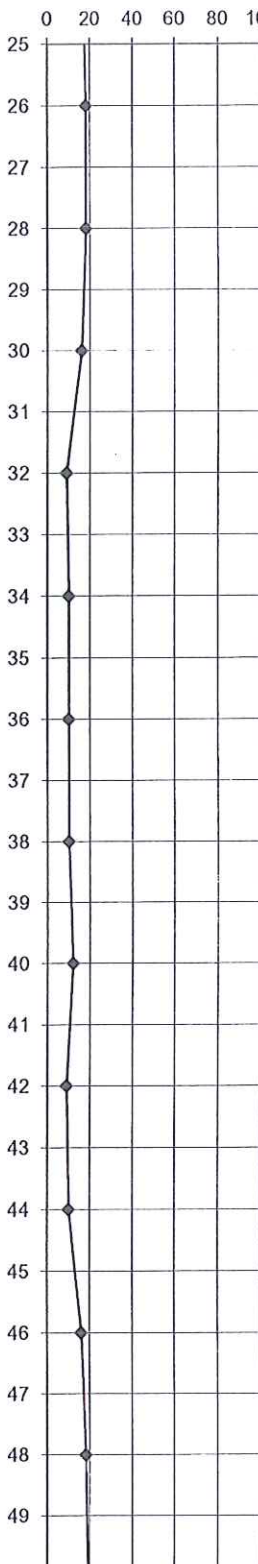
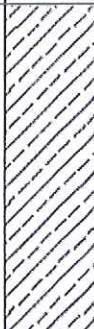



D: Mẫu không nguyên dạng
 UU: Mẫu ba trục UU

HÌNH TRỤ HỒ KHOAN

Tờ 2

DỰ ÁN: Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung Ương Cần Thơ
ĐỊA ĐIỂM: Khu đô thị An Bình - Mỹ Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
CƠ QUAN KS: Công ty Cổ phần SCT - Hà Nội
NGƯỜI LẬP: Lê Văn Cương

KÍ HIỆU HỒ KHOAN:	HK3
Cao độ miệng hố:	1.75
Chiều sâu mực nước ngầm (m):	1.90
Chiều sâu (m):	63.0

Tỷ lệ - m	Số hiệu lớp	Cao độ đáy lớp (m)	Chiều sâu đáy lớp (m)	Bề dày lớp (m)	KÝ HIỆU ĐỊA TẦNG	MÔ TẢ ĐỊA TẦNG	Chiều sâu mẫu thí nghiệm và SPT	Ký hiệu mẫu	THÍ NGHIỆM SPT				<div><div>020406080100</div></div>
									N1	N2	N3	N/30	
26.0	3			10.5		Đất sét pha màu xám xanh, nâu vàng, trạng thái nửa cứng.	25.80-26.00	U	5	8	10	18	
26.00-26.45							SPT						
27.80-28.00							U						
27.0							28.00-28.45	SPT	5	8	10	18	
29.80-30.00							U						
30.00-30.45							SPT						
28.0		-28.75	30.5						4	7	9	16	
31.80-32.00							U						
32.00-32.45							SPT						
29.0	4			15.2		Đất sét pha màu xám nâu, xám xanh, xám vàng, trạng thái dẻo cứng đôi chỗ dẻo mềm.	33.80-34.00	U	3	4	5	9	
34.00-34.45							SPT						
35.80-36.00							U						
36.00-36.45							SPT						
37.80-38.00							U						
38.00-38.45							SPT						
39.80-40.00							U						
40.00-40.45							SPT						
41.80-42.00							U						
42.00-42.45							SPT						
43.80-44.00							U						
44.00-44.45							SPT						
45.80-46.00							U						
46.00-46.45							SPT						
47.80-48.00							U						
48.00-48.45	SPT												
30.0		-43.95	45.7			Đất cát pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo.	49.80-50.00	U	6	8	11	19	
50.00-50.45							SPT						

GHI -49.5

U: Mẫu nguyên dạng
SPT: Xuyên tiêu chuẩn.

D: Mẫu không nguyên dạng
UU: Mẫu ba trục UU

HÌNH TRỤ HỐ KHOAN

Tờ 3

DỰ ÁN: Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung Ương Cần Thơ
 ĐỊA ĐIỂM: Khu đô thị An Bình - Mỹ Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
 CƠ QUAN KS: Công ty Cổ phần SCT - Hà Nội
 NGƯỜI LẬP: Lê Văn Cương

KÍ HIỆU HỐ KHOAN: HK3
 Cao độ miệng hố: 1.75
 Chiều sâu mực nước ngầm (m): 1.90
 Chiều sâu (m): 63.0

Tỷ lệ - m	Số hiệu lớp	Cao độ đáy lớp (m)	Chiều sâu đáy lớp (m)	Bề dày lớp (m)	KÝ HIỆU ĐỊA TẦNG	MÔ TẢ ĐỊA TẦNG	Chiều sâu mẫu thí nghiệm và SPT	Ký hiệu mẫu	THÍ NGHIỆM SPT				
									N1	N2	N3	N/30	
51.0	5	-49.45	51.2	5.5		Đất cát pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo.							50
52.0	6			3.8		Cát hạt mịn đôi chỗ lẫn ít sạn, màu xám vàng, trạng thái chặt vừa.	52.00-52.45	D					51
53.0							52.00-52.45	SPT	7	11	20	31	52
54.0	7	-53.25	55.0				54.00-54.45	D					53
55.0							54.00-54.45	SPT	11	12	13	25	54
56.0	7			8.0		Cát hạt mịn, màu xám vàng, trạng thái chặt.	56.00-56.45	D					55
57.0							56.00-56.45	SPT	7	13	22	35	56
58.0	7						58.00-58.45	D					57
59.0							58.00-58.45	SPT	11	19	29	48	58
60.0	7						60.00-60.45	D					59
61.0							60.00-60.45	SPT	12	20	29	49	60
62.0	7						62.00-62.45	D					61
63.0							62.00-62.45	SPT	11	19	30	49	62
64.0	7	-61.25	63.0				63.00-63.45	D					63
65.0							63.00-63.45	SPT	11	18	30	48	64
66.0	7												65
67.0													66
68.0	7												67
69.0													68
70.0	7												69
71.0													70
72.0	7												71
73.0													72
74.0	7												73
75.0													74

GHI CHÚ:

U: Mẫu nguyên dạng
 SPT: Xuyên tiêu chuẩn.

D: Mẫu không nguyên dạng
 UU: Mẫu ba trục UU